

Số: *280*/UQ-ĐOBC

TP. Vũng Tàu, ngày *12* tháng *8* năm 2014

## GIẤY ỦY QUYỀN

1. Người ủy quyền

Ông: **Nguyễn Hữu Đức**

Chức vụ: Giám đốc

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Địa chỉ: Tầng 6, Petroland Tower, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP HCM

CMND số: 273191704 Ngày cấp: 13/03/2006 Nơi cấp: Công an BR-VT

2. Người được ủy quyền

Ông: **Mai Đình Bảo**

Chức vụ: Phó Giám đốc

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Địa chỉ: Tầng 6, Petroland Tower, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP HCM

CMND số: 273044496 Ngày cấp: 03/04/2006 Nơi cấp: Công an BR-VT

3. Nội dung ủy quyền:

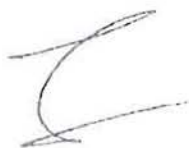
Ủy quyền cho Ông Mai Đình Bảo - Phó Giám đốc Công ty, thay mặt Giám đốc:

- Điều hành các công việc sản xuất kinh doanh chung của Công ty;
- Ký kết các hợp đồng kinh tế, hợp đồng giao khoán nội bộ;
- Ký phê duyệt các chứng từ thanh toán (bao gồm cả séc tiền mặt và ủy nhiệm chi);
- Ký đề nghị phát hành và hợp đồng cấp bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành và ký hợp đồng tiền gửi, hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá trị;
- Ký báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

4. **Trách nhiệm của Ông Mai Đình Bảo:** thực hiện các công việc thuộc phạm vi ủy quyền, đảm bảo tuân thủ các quy định, quy chế của Công ty, Tổng Công ty và pháp luật hiện hành, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam và pháp luật hiện hành.

5. **Hiệu lực của ủy quyền:** Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 13/08/2014 đến hết ngày 22/08/2014 hoặc theo quyết định của Giám đốc.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Đình Bảo

NGƯỜI ỦY QUYỀN  
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Đức

Nơi nhận:

- HĐQT (b/c),
- Ban GD, TBKS,
- Các Phòng, CNXXN, Ban, Đội,
- Lưu VT

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ÓNG  
BỂ CHỨA DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 33



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Đức	Ủy viên
Ông Mai Đình Bảo	Ủy viên
Ông Hoàng Ngọc Tuyên	Ủy viên
Ông Trần Quang Ngọc	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2014)
Ông Tô Xuân Mai	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2014)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Hữu Đức	Giám đốc
Ông Mai Đình Bảo	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quốc Trung	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Phó Giám đốc
Ông Trương Xuân Sỹ	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)
Ông Trần Quang Ngọc	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2014)
Ông Hoàng Ngọc Tuyên	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)
Ông Tô Xuân Mai	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2014)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

\_\_\_\_\_  
**Mai Đình Bảo**  
**Phó Giám đốc**

Ngày 15 tháng 8 năm 2014



Số: 281 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 8 năm 2014, từ trang 04 đến trang 33. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Ngoại trừ các vấn đề hạn chế nêu tại các đoạn (1), (2) và (3) sau đây, chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí đã tồn đọng trên ba năm kể từ thời điểm Công ty nhận bàn giao lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam với số tiền khoảng 31,9 tỷ VND. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét về khả năng thu hồi cũng như số dự phòng cần trích lập đối với khoản trả trước nói trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dự phòng cho khoản trả trước hay không.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang khoảng 2,8 tỷ VND đầu tư vào dự án Nhà máy sản xuất Bình bồn Dầu khí đang tạm dừng thi công. Do khó khăn trong tình hình thị trường hiện tại. Công ty không thể đánh giá được giá trị có thể thu hồi của dự án này cũng như tính khả thi nếu tiếp tục thực hiện. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét về giá trị có thể thu hồi của dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang này hay không.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, chi phí phải trả của các công trình xây lắp do Công ty thi công bao gồm chi phí phải trả cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương và các đội xây lắp của Công ty với tổng số tiền khoảng 15,8 tỷ VND. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét về các chi phí phải trả nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số chi phí phải trả này hay không.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty xác định thiếu dự phòng cho các công trình Công ty đang thi công với số tiền khoảng 9,77 tỷ VND. Nếu được ghi nhận, khoản mục “Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp” và “Tổng (lỗ) kế toán trước thuế” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty sẽ tăng thêm khoảng 9,77 tỷ VND và số dư khoản mục “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tăng thêm một số tương ứng.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

- Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong 6 tháng đầu năm 2014, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị suy giảm mạnh, đồng thời, Công ty phát sinh khoản lỗ là 123.253.701.476 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, lỗ lũy kế là 158.347.645.709 VND và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 30.994.287.345 VND. Công ty đang thiếu hụt khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn, số dư các khoản vay quá hạn chưa được thanh toán là 32.152.858.474 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 40.282.285.358 VND). Các yếu tố nêu trên dẫn đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan tới vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có các khoản công nợ đang tranh chấp với nhà cung cấp và công nợ về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp có thể có tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.



Vũ Đức Nguyên  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 15 tháng 8 năm 2014  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

A blue ink signature of Đỗ Trung Kiên.

Đỗ Trung Kiên  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1924-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>342.085.320.034</b>	<b>552.140.746.415</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>2.048.638.840</b>	<b>37.143.857.414</b>
1. Tiền	111		2.048.638.840	37.143.857.414
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>200.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		200.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>233.726.628.354</b>	<b>311.889.226.963</b>
1. Phải thu khách hàng	131	5	184.276.575.989	258.508.430.071
2. Trả trước cho người bán	132	6	34.517.609.141	38.334.225.852
3. Các khoản phải thu khác	135	7	18.300.027.938	18.010.862.470
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.367.584.714)	(2.964.291.430)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>99.657.487.202</b>	<b>196.996.141.430</b>
1. Hàng tồn kho	141		218.870.226.958	234.428.765.464
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(119.212.739.756)	(37.432.624.034)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.452.565.638</b>	<b>6.111.520.608</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		25.072.398	95.006.252
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		69.098.473	151.064.816
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	6.358.394.767	5.865.449.540
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)</b>	<b>200</b>		<b>92.845.633.449</b>	<b>95.527.810.083</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>79.968.968.629</b>	<b>85.662.049.398</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	57.043.027.029	60.918.880.883
- Nguyên giá	222		104.795.709.693	103.633.541.540
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.752.682.664)	(42.714.660.657)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	19.523.321.546	21.786.729.962
- Nguyên giá	225		31.821.543.965	31.821.543.965
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(12.298.222.419)	(10.034.814.003)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	140.416.667	-
- Nguyên giá	228		357.562.000	189.062.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(217.145.333)	(189.062.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	3.262.203.387	2.956.438.553
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.876.664.820</b>	<b>9.865.760.685</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	7.057.081.410	5.133.223.523
2. Tài sản dài hạn khác	268	15	5.819.583.410	4.732.537.162
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>434.930.953.483</b>	<b>647.668.556.498</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>379.254.281.341</b>	<b>468.738.182.880</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>373.079.607.379</b>	<b>459.254.786.266</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	66.309.071.914	104.825.729.888
2. Phải trả người bán	312	17	100.999.887.284	117.217.511.332
3. Người mua trả tiền trước	313		106.387.459.749	152.023.508.921
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	18.957.288.058	9.603.910.529
5. Phải trả người lao động	315		11.666.306.034	8.375.869.592
6. Chi phí phải trả	316	19	43.479.935.703	44.502.996.595
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	24.546.308.899	20.998.350.378
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		733.349.738	1.706.909.031
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.174.673.962</b>	<b>9.483.396.614</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	21	6.174.673.962	9.483.396.614
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>55.676.672.142</b>	<b>178.930.373.618</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>55.676.672.142</b>	<b>178.930.373.618</b>
1. Vốn điều lệ	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(960.276.200)	(960.276.200)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.083.214.059	7.083.214.059
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.901.379.992	7.901.379.992
5. (Lỗ) lũy kế	420		(158.347.645.709)	(35.093.944.233)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>434.930.953.483</b>	<b>647.668.556.498</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại  
 - USD

30/6/2014	31/12/2013
4.863,68	4.867,94

Nguyễn Văn Đông  
 Người lập biểu

Ngày 15 tháng 8 năm 2014

Vũ Văn Huy  
 Kế toán trưởng



Mai Đình Bảo  
 Phó Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN**

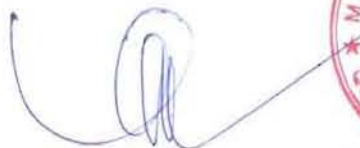
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	93.005.367.055	182.351.957.567
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		93.005.367.055	182.351.957.567
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	197.803.036.553	163.225.185.603
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(104.797.669.498)	19.126.771.964
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		86.647.419	77.601.601
6. Chi phí tài chính	22		7.729.983.839	11.232.728.892
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.681.218.923	11.219.472.720
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.070.493.545	7.101.946.074
8. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		(120.511.499.463)	869.698.599
9. Thu nhập khác	31		849.443.099	1.077.973.313
10. Chi phí khác	32		3.591.645.112	1.360.133.412
11. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(2.742.202.013)	(282.160.099)
12. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(123.253.701.476)	587.538.500
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	338.877.579
14. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(123.253.701.476)	248.660.921
15. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(6.218)	13



**Nguyễn Văn Đồng**  
 Người lập biểu

Ngày 15 tháng 8 năm 2014



**Vũ Văn Huy**  
 Kế toán trưởng



**Mai Đình Bảo**  
 Phó Giám đốc

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(123.253.701.476)	587.538.500
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.167.345.603	6.664.315.491
Các khoản dự phòng	03	82.183.409.006	492.594.201
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(86.647.419)	(77.601.601)
Chi phí lãi vay	06	7.681.218.923	11.219.472.720
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(27.308.375.363)	18.886.319.311
Thay đổi các khoản phải thu	09	76.061.380.193	142.016.908.722
Thay đổi hàng tồn kho	10	15.558.538.506	45.780.954.639
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(48.492.559.254)	(181.804.140.208)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.853.924.033)	1.717.845.361
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.191.256.998)	(9.706.806.087)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(585.255.646)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(973.559.293)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	6.800.243.758	16.305.826.092
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(156.729.125)	(1.528.009.119)
2. Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	86.647.419	77.601.601
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(70.081.706)	(1.450.407.518)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	12.718.099.070	54.270.841.976
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(52.497.494.949)	(67.177.077.545)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.045.984.747)	(2.755.102.966)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(41.825.380.626)	(15.661.338.535)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	(35.095.218.574)	(805.919.961)
<b>Tiền đầu kỳ</b>	60	37.143.857.414	8.539.869.152
<b>Tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	70	2.048.638.840	7.733.949.191

## BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

### Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 542.696.112 VND (từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013: 407.760.403 VND) là số tiền phát sinh cho việc xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ mà chưa được thanh toán và đã bao gồm 225.160.403 VND (từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013: 1.328.383.119 VND) là số tiền đã trả trong kỳ cho khoản nợ mua tài sản cố định cuối năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Nguyễn Văn Đông  
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 8 năm 2014

Vũ Văn Huy  
Kế toán trưởng



Mai Đình Bảo  
Phó Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3500833615 ngày 26 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ ba ngày 28 tháng 02 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND, được chia thành 20.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Công ty có 1 Chi nhánh là Xí nghiệp Xây lắp 5 được thành lập ngày 30 tháng 11 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 638 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 661).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thi công các công trình đường ống, bồn, bể chứa;
- Lắp đặt các hệ thống thiết bị công nghệ, hệ thống thiết bị điều khiển, tự động hóa công nghiệp, lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện và các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác;
- Sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình khí (ngoài biển, đất liền), các công trình thi công xây dựng và dân dụng cảng sông, cảng biển và các công trình công nghiệp khác;
- Kinh doanh đô thị văn phòng; siêu thị và nhà ở;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy đóng tàu, vận tải dầu, khí, hóa chất, nhà máy đóng giàn khoan;
- Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông;
- Đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê, kè, bến cảng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp khác;
- Đầu tư khai thác mỏ (cát đá,...);
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất;
- Chế tạo thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng, dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Mua bán thiết bị xây dựng dầu khí;
- Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (kho chứa, nhiệt điện, thủy điện,...);
- Vận chuyển dầu và khí hóa lỏng, hóa chất;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát thiết kế và xây dựng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị suy giảm mạnh, đồng thời, Công ty phát sinh khoản lỗ là 123.253.701.476 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, lỗ lũy kế là 158.347.645.709 VND và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 30.994.287.345 VND. Công ty đang thiếu hụt khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn, số dư các khoản vay quá hạn chưa được thanh toán là 32.152.858.474 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 40.282.285.358 VND). Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào dòng tiền và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng về dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, đặc biệt là khả năng thu hồi các khoản phải thu ngắn hạn để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trả, đồng thời tiếp tục thực hiện các giải pháp để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trong tương lai. Ngoài ra, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC - Công ty mẹ của Công ty) ban hành Quyết định số 617/QĐ-XLKD về việc chấp thuận đề xuất tài chính để tháo gỡ khó khăn cho Công ty. Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là hợp lý.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và xem xét một cách thận trọng về khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu và tin tưởng rằng số trích lập dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng về nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ của Công ty và tin tưởng rằng không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các loại hàng tồn kho này.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Kỳ hoạt động</b> <b>từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty, cụ thể như sau:

**Kỳ hoạt động**  
**từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014**  
**Số năm**

Phương tiện vận tải

7 - 8

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính của Ban điều hành Dự án xây dựng công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải nhận bàn giao từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và phần mềm nhân sự, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các phần mềm này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần phát sinh kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010 với số tiền là 5.186.760.000 VND và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong vòng 10 năm. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 10 năm là phù hợp với các quy định về kế toán hiện hành và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty không phải trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình xây lắp mà Công ty thi công.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	72.667.148	46.884.397
Tiền gửi ngân hàng	1.975.971.692	37.096.973.017
	<u><b>2.048.638.840</b></u>	<u><b>37.143.857.414</b></u>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	31.901.218.911	82.301.572.613
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	8.256.410.007	31.805.313.986
Công ty Cổ Phần Kết Cấu Kim Loại và Lắp Máy Dầu Khí	5.340.984.594	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	1.983.882.367	3.898.222.266
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.613.441.480	1.746.281.623
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1.062.727.230	1.062.727.230
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	621.666.025	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Nam	423.228.871	423.228.871
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	171.816.407	1.256.233.957
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2 - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	1.699.968.660
Ban Quản lý Dự án khí điện đạm Cà Mau	-	1.252.178.574
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Ban Quản lý dự án huyện Côn Đảo	90.062.642.919	75.066.477.734
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	41.832.586.486	44.876.636.822
Các đối tượng khác	1.005.970.692	13.119.587.735
	<u><b>184.276.575.989</b></u>	<u><b>258.508.430.071</b></u>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (i)	29.560.167.792	29.560.167.792
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	2.304.026.272	2.304.026.272
<b>Trả trước cho các đối tượng khác</b>		
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Lê Hoàn	435.089.999	1.382.160.173
Các đối tượng khác	2.218.325.078	5.087.871.615
	<u><b>34.517.609.141</b></u>	<u><b>38.334.225.852</b></u>

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) đã tồn đọng trên ba năm kể từ thời điểm Công ty nhận bàn giao lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Đối với khoản ứng trước cho PVC-Metal, theo Biên bản làm việc số 1476/XLTK-PVCPT-PVCMetal ngày 18 tháng 5 năm 2012 giữa Công ty, PVC và PVC-Metal về việc PVC-Metal xin thôi không tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 338/2010/HDKT/PVC/BDH-PVC-METAL tại dự án "Xây dựng công trình Kho chứa LPG lạnh", PVC và Công ty cùng có trách nhiệm thu hồi khoản công nợ này từ PVC-Metal. Trong thời gian chưa thu hồi được khoản nợ của PVC-Metal, PVC đồng ý không thực hiện thu hồi khoản công nợ này của PVC-PT. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang tiếp tục làm việc với PVC, PVC-Metal và PVC-SG để thực hiện các biện pháp thu hồi và bù trừ công nợ, do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định chưa trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đối với các khoản công nợ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	15.030.542.964	15.030.542.964
- <i>Lãi chậm trả được điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước</i>	<i>15.030.542.964</i>	<i>15.030.542.964</i>
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	1.181.361.868	1.453.763.713
Phải thu khác	2.088.123.106	1.526.555.793
	<b><u>18.300.027.938</u></b>	<b><u>18.010.862.470</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.047.827.811	2.324.623.833
Công cụ, dụng cụ	577.334.470	913.179.145
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	216.245.064.677	231.190.962.486
	<b><u>218.870.226.958</u></b>	<b><u>234.428.765.464</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(119.212.739.756)	(37.432.624.034)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b><u>99.657.487.202</u></b>	<b><u>196.996.141.430</u></b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	1.716.059.720	3.248.168.601
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.536.309.244	2.511.255.136
Tài sản thiếu chờ xử lý	106.025.803	106.025.803
	<b><u>6.358.394.767</u></b>	<b><u>5.865.449.540</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	48.242.823.945	41.372.761.716	10.547.040.138	3.470.915.741	103.633.541.540
Phân loại lại	-	-	2.620.401.159	(2.620.401.159)	-
Tăng khác	1.162.168.153	-	-	-	1.162.168.153
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>49.404.992.098</b>	<b>41.372.761.716</b>	<b>13.167.441.297</b>	<b>850.514.582</b>	<b>104.795.709.693</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	3.003.436.864	31.089.109.869	5.778.578.185	2.843.535.739	42.714.660.657
Khấu hao trong kỳ	771.438.695	2.145.469.393	639.688.248	319.257.518	3.875.853.854
Phân loại lại	-	-	2.069.161.149	(2.069.161.149)	-
Tăng khác	1.162.168.153	-	-	-	1.162.168.153
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>4.937.043.712</b>	<b>33.234.579.262</b>	<b>8.487.427.582</b>	<b>1.093.632.108</b>	<b>47.752.682.664</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2014	<b>44.467.948.386</b>	<b>8.138.182.454</b>	<b>4.680.013.715</b>	<b>(243.117.526)</b>	<b>57.043.027.029</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>45.239.387.081</b>	<b>10.283.651.847</b>	<b>4.768.461.953</b>	<b>627.380.002</b>	<b>60.918.880.883</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 18.474.877.848 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 13.321.231.920 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp xe tải cầu HINO 7 tấn với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.557.002.920 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.744.564.228 VND) để đảm bảo cho khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	31.821.543.965	31.821.543.965
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>31.821.543.965</b>	<b>31.821.543.965</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	10.034.814.003	10.034.814.003
Khấu hao trong kỳ	2.263.408.416	2.263.408.416
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>12.298.222.419</b>	<b>12.298.222.419</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 30/6/2014	<b>19.523.321.546</b>	<b>19.523.321.546</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>21.786.729.962</b>	<b>21.786.729.962</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	189.062.000	189.062.000
Mua sắm trong kỳ	168.500.000	168.500.000
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>357.562.000</b>	<b>357.562.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	189.062.000	189.062.000
Khấu hao trong kỳ	28.083.333	28.083.333
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>217.145.333</b>	<b>217.145.333</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 30/6/2014	<b>140.416.667</b>	<b>140.416.667</b>
Tại ngày 31/12/2013	-	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 189.062.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 189.062.000 VND).

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>30/6/2014</u> VND	<u>31/12/2013</u> VND
Nhà máy Sản xuất Bình bồn Dầu khí (i)	2.838.488.553	2.838.488.553
Công trình khác	423.714.834	117.950.000
	<b>3.262.203.387</b>	<b>2.956.438.553</b>

(i) Theo Quyết định số 81/QĐ-HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Sản xuất Bình bồn Dầu khí tại Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (xã Gia Thuận - Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang), với tổng mức đầu tư là 607 tỷ VND. Hiện nay, dự án này đang tạm dừng thi công. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng dự án này có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, do đó, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với dự án này.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>30/6/2014</u> VND	<u>31/12/2013</u> VND
Lợi thế kinh doanh	2.895.941.000	3.155.279.000
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	2.362.842.015	978.095.799
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.798.298.395	999.848.724
	<b>7.057.081.410</b>	<b>5.133.223.523</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược dài hạn	5.819.583.410	4.732.537.162
	<u>5.819.583.410</u>	<u>4.732.537.162</u>

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú (i)	23.335.731.843	33.758.032.389
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	8.817.126.631	20.892.614.621
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sài Gòn (iii)	26.325.134.712	43.431.007.055
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	456.911.000	421.764.000
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</b>	7.374.167.728	6.322.311.823
	<u>66.309.071.914</u>	<u>104.825.729.888</u>

- (i) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - Chi nhánh An Phú theo Hợp đồng tín dụng số 121.12APU/HMTD.44/1170120.01 ngày 31 tháng 5 năm 2012. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VND, trong vòng 12 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2012. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất áp dụng tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ (trong kỳ, lãi suất thay đổi từ 22,5%/năm đến 25,2%/năm). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, gốc vay quá hạn thanh toán là 23.335.731.843 VND.
- (ii) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (PVcomBank Vũng Tàu) theo Hợp đồng tín dụng số 02/2011/HDTDHM-TCDK-CNV.TD&QLTD ngày 14 tháng 7 năm 2011. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 160.000.000.000 VND, giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn trả gốc là 6 tháng kể từ ngày nhận khế ước vay. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất ngắn hạn do PVcomBank Vũng Tàu công bố tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ (trong kỳ, lãi suất thay đổi từ 13%/năm đến 21%/năm). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, gốc vay quá hạn thanh toán là 8.817.126.631 VND.
- (iii) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sài Gòn bao gồm hai hợp đồng vay:
- + Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1111/12/HĐTDHM/DN ngày 28 tháng 11 năm 2012. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, trong vòng 12 tháng kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2012. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai hoặc đã hình thành cho một số đối tác được quy định trong hợp đồng tín dụng. Lãi suất áp dụng tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ (trong kỳ, lãi suất thay đổi từ 10%/năm đến 13%/năm).
- + Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 636/HĐTDNH/DN ngày 17 tháng 4 năm 2013. Số tiền cho vay là 65.000.000.000 VND để tài trợ cho việc thực hiện Hợp đồng kinh tế số 04/2013/BCM-PVCPT/X1 ngày 08 tháng 5 năm 2013 về việc thiết kế, mua sắm, thi công xây lắp và chạy thử cụm máy nén khí PM3 thuộc Dự án nhà máy xử lý khí Cà Mau giữa Công ty và Ban Quản lý Dự án nhà máy xử lý khí Cà Mau. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai hoặc đã hình thành từ hợp đồng kinh tế này. Lãi suất áp dụng tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ (trong kỳ, lãi suất thay đổi từ 10%/năm đến 13%/năm).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	9.090.940.991	14.090.940.991
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu Khí	5.825.547.657	5.387.941.936
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.579.741.998	1.579.741.998
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí	1.180.163.353	1.180.163.353
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	1.074.642.305	1.100.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông - Chi nhánh Vũng Tàu	699.415.440	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển Đông	650.540.000	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	81.039.750	1.599.337.535
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	8.776.714.510	10.989.405.035
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng FECON	6.189.525.220	6.189.525.220
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.629.966.337	4.629.966.337
Công ty TNHH Công nghiệp	3.529.146.810	6.372.703.735
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	3.465.403.662	3.465.403.662
Công ty TNHH Kỹ thuật Gas Phúc Sang Minh	-	5.472.853.134
Các đối tượng khác	51.227.099.251	52.159.528.396
	<b><u>100.999.887.284</u></b>	<b><u>117.217.511.332</u></b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	12.204.452.929	6.327.387.401
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.222.431.458	3.222.431.458
Thuế thu nhập cá nhân	904.186.016	54.091.670
Thuế khác	2.626.217.655	-
	<b><u>18.957.288.058</u></b>	<b><u>9.603.910.529</u></b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện (i)	41.087.372.133	41.935.139.040
Chi phí phải trả khác	2.392.563.570	2.567.857.555
	<b><u>43.479.935.703</u></b>	<b><u>44.502.996.595</u></b>

(i) Chi phí phải trả của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện bao gồm chi phí phải trả cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương và các đội xây lắp của Công ty với tổng số tiền là 15.846.287.250 VND. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng các chi phí phải trả cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương và các đội xây lắp của Công ty là đầy đủ và phù hợp với thực tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	10.144.399.867	10.144.299.867
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	4.253.094.676	2.474.412.704
Kinh phí công đoàn	1.276.922.796	1.319.977.318
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.871.891.560	7.059.660.489
	<u>24.546.308.899</u>	<u>20.998.350.378</u>

**21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	773.237.000	948.972.000
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>		
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (ii)	7.485.046.868	8.494.706.325
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chaillease (iii)	5.747.468.822	6.783.794.112
	<u>14.005.752.690</u>	<u>16.227.472.437</u>
<b>Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng</b> <i>(Trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả	456.911.000	421.764.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	7.374.167.728	6.322.311.823
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u>6.174.673.962</u>	<u>9.483.396.614</u>

- (i) Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0073/2011/HĐTD ngày 22 tháng 8 năm 2011 để đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam, với hạn mức tín dụng là 19.437.767.700 VND, thời hạn vay trong vòng 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị tạm tính là 29.317.900.000 VND, chịu lãi suất áp dụng tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng kế ước nhận nợ (lãi suất trong kỳ đang áp dụng là 12%/năm).

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	456.911.000	421.764.000
Trong năm thứ hai	316.326.000	421.764.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	105.444.000
	<u>773.237.000</u>	<u>948.972.000</u>
<b>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng</b> <i>(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)</i>	456.911.000	421.764.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u>316.326.000</u>	<u>527.208.000</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Nợ thuê tài chính dài hạn thể hiện các khoản:

- (ii) Thuê tài chính tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC) bao gồm 2 hợp đồng sau:
  - Thuê tài chính 01 chiếc xe cầu bánh lốp 55 tấn hiệu Grove theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2011-00052-000 ngày 22 tháng 7 năm 2011. Giá trị tài sản thuê là 16.978.343.965 VND. Công ty trả trước cho VILC số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 1% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê tạm thời (trong thời gian chưa bắt đầu thanh toán tiền thuê) là 17,5%/năm, sau đó lãi suất cho thuê bằng 2,5%/năm cộng (+) lãi suất cơ bản là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Sở giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch. Thời hạn cho thuê là 60 tháng kể từ ngày Công ty nhận nợ lần đầu.
  - Thuê tài chính 01 chiếc xe Toyota Fortuner theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2011-00106-000 ngày 13 tháng 10 năm 2011. Giá trị tài sản thuê là 1.113.200.000 VND. Công ty trả trước cho VILC số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 1% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê tạm thời (trong thời gian chưa bắt đầu thanh toán tiền thuê) là 17,5%/năm, sau đó lãi suất cho thuê bằng 2,5%/năm cộng (+) lãi suất cơ bản là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Sở giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch. Thời hạn cho thuê là 60 tháng kể từ ngày Công ty nhận nợ lần đầu.
- (iii) Thuê tài chính 01 chiếc xe cần trục bánh lốp hiệu Grove ký với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease (Chailease) theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B111132803 ngày 14 tháng 11 năm 2011. Giá trị tài sản thuê là giá mua tài sản thuê và các loại thuế liên quan. Công ty trả trước cho Chailease số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 0,3% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê là lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Thời hạn cho thuê là 48 tháng kể từ ngày Công ty nhận nợ lần đầu.

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.374.167.728	6.322.311.823
Trong năm thứ hai	5.303.023.191	6.333.356.444
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	555.324.771	2.622.832.170
	<u>13.232.515.690</u>	<u>15.278.500.437</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	7.374.167.728	6.322.311.823
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>5.858.347.962</b></u>	<u><b>8.956.188.614</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	(Lỗ) lũy kế/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	200.000.000.000	(960.276.200)	5.563.214.059	5.621.379.992	4.690.396.604	214.914.714.455
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(35.584.340.837)	(35.584.340.837)
Phân phối quỹ	-	-	1.520.000.000	2.280.000.000	(3.800.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	200.000.000.000	(960.276.200)	7.083.214.059	7.901.379.992	(35.093.944.233)	178.930.373.618
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	(123.253.701.476)	(123.253.701.476)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	200.000.000.000	(960.276.200)	7.083.214.059	7.901.379.992	(158.347.645.709)	55.676.672.142

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 28 tháng 02 năm 2012, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 200.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	102.000.000.000	51	102.000.000.000	102.000.000.000
Các cổ đông khác	98.000.000.000	49	98.000.000.000	98.000.000.000
	<b>200.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	30/6/2014	31/12/2013
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	178.490	178.490
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	19.821.510	19.821.510
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	92.169.233.821	182.124.282.507
Doanh thu hoạt động khác	836.133.234	227.675.060
	<b>93.005.367.055</b>	<b>182.351.957.567</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	115.296.365.211	162.659.529.368
Giá vốn hoạt động khác	726.555.620	216.635.494
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (i)	81.780.115.722	349.020.741
	<b>197.803.036.553</b>	<b>163.225.185.603</b>

(i) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh các khoản dự phòng cho các công trình Công ty đang thi công, được xác định dựa trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang lũy kế vượt quá 95% giá trị sản lượng dở dang của các công trình này. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng giá trị sản lượng dở dang được sử dụng để tính dự phòng là đầy đủ và phù hợp với thực tế phát sinh của các công trình.

Bên cạnh đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang lũy kế được sử dụng để tính dự phòng chưa bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang lũy kế của các công trình do Xí nghiệp 5 (Chi nhánh của Công ty) thi công với số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 14.876.698.805 VND.

Nếu việc trích lập dự phòng trên cơ sở 100% giá trị sản lượng dở dang của các công trình và bao gồm số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Xí nghiệp 5 nêu trên thì dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty tăng thêm số tiền khoảng 9,77 tỷ VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và khẳng định rằng dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã được lập trên cơ sở thận trọng; và dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần điều chỉnh thêm với số tiền 9,77 tỷ VND không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty.

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	33.036.051.816	54.046.640.789
Chi phí nhân công	40.137.637.460	33.352.211.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.167.345.603	6.664.315.491
Chi phí dự phòng	82.183.409.006	710.128.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.981.847.399	28.788.005.540
Chi phí khác bằng tiền	4.421.341.005	1.101.816.249
	<b>190.927.632.289</b>	<b>124.663.117.456</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(123.253.701.476)	587.538.500
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.447.279.455	767.971.815
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(120.806.422.021)</b>	<b>1.355.510.315</b>
Thuế suất thông thường	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>338.877.579</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**27. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
(Lỗ)/Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(123.253.701.476)	248.660.921
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	19.821.510	19.821.510
<b>(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>(6.218)</b>	<b>13</b>

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Chi phí thuê hoạt động đã được Công ty ghi nhận trong kỳ là 348.038.312 VND, thể hiện:

- Hợp đồng thuê mặt bằng sản xuất với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, diện tích thuê là 10.000 m<sup>2</sup> tại số 1738, đường 30/4, khu Phước Cơ, phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê 50.000 VND/m<sup>2</sup>/năm, mục đích là làm kho và xưởng cơ khí nhỏ, thời hạn thuê đến hết ngày 01 tháng 01 năm 2016.

- Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 520/HĐKT ngày 08 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC). PVC-IC cho PVC-PT thuê quyền sử dụng đất với diện tích thuê 1.469 m<sup>2</sup> tại số 35G đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu. Thời hạn thuê là 2 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 (đến ngày lập báo cáo này, giữa Công ty và PVC-IC chưa ký kết gia hạn hợp đồng bổ sung thời hạn thuê). Giá thuê quyền sử dụng đất được tính trên cơ sở giá trị cổ tức thực trả hàng năm mà PVC-IC trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) cho phần vốn góp của PVC tính trên giá trị lô đất là 4.407.000.000 VND. Tỷ lệ trả cổ tức cho PVC hàng năm tạm tính bằng 17% giá trị vốn góp. Thông báo trả cổ tức hàng năm cho cổ đông của PVC-IC sẽ là cơ sở để tính giá thuê. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty chưa ghi nhận chi phí thuê quyền sử dụng đất này do PVC-IC chưa thực hiện chi trả cổ tức. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc Công ty chưa ghi nhận chi phí thuê cho kỳ hoạt động này là phù hợp với điều khoản hợp đồng đã ký.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu Khí (“Petroland”) đang ghi nhận một khoản phải thu Công ty với số tiền 5.371.985.341 VND liên quan đến khoản phạt chậm thanh toán tiền mua văn phòng tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Sự kiện này hình thành nên khoản công nợ Công ty có thể phải ghi nhận. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng Công ty sẽ không phải trả khoản phạt này do tại ngày 08 tháng 11 năm 2013, Công ty đã gửi Petroland thông báo số 1011/ĐOBC-TCHC về việc bồi thường giá trị thiệt hại chậm chuyển quyền sở hữu tầng 6, Petroland Tower của Petroland làm ảnh hưởng đến việc vay vốn, thế chấp, chuyển nhượng của Công ty với số tiền ước tính là 5.539.756.635 VND. Đến ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với Petroland và chưa ghi nhận bất kỳ một khoản công nợ phải thu/phải trả nào liên quan đến việc này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có số dư các khoản công nợ phải thu với số tiền là 137.291.525.819 VND tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Do đó, số thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp tương ứng với số doanh thu này khi xuất hóa đơn là khoảng 13,7 tỷ VND. Sự kiện này hình thành khoản công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng và lãi phạt chậm nộp tương ứng cho Công ty. Đến ngày lập báo cáo này, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ một khoản công nợ phải trả thuế giá trị gia tăng và lãi phạt chậm nộp có thể có liên quan đến việc này.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng các khoản công nợ tiềm tàng nêu trên không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và số 21 trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	59.251.230.186	99.030.626.065
Trừ: Tiền	<u>2.048.638.840</u>	<u>37.143.857.414</u>
Nợ thuần	57.202.591.346	61.886.768.651
Vốn chủ sở hữu	55.676.672.142	178.930.373.618
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u><b>1,03</b></u>	<u><b>0,35</b></u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	2.048.638.840	37.143.857.414
Đầu tư ngắn hạn	200.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	195.939.534.239	270.574.681.605
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược	10.355.892.654	7.243.792.298
<b>Tổng cộng</b>	<b>208.544.065.733</b>	<b>314.962.331.317</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	59.251.230.186	99.030.626.065
Nợ thuê tài chính	13.232.515.690	15.278.500.437
Phải trả người bán và phải trả khác	120.016.178.711	127.361.811.199
Chi phí phải trả	43.479.935.703	44.502.996.595
<b>Tổng cộng</b>	<b>235.979.860.290</b>	<b>286.173.934.296</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	-	-	102.260.333	102.350.174

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ (giảm)/tăng tương ứng như sau:

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lỗ trước thuế</u> VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014		
VND	+200	(1.185.024.604)
VND	-200	1.185.024.604
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+200	(1.980.612.521)
VND	-200	1.980.612.521

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 31.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>30/6/2014</b>			
Tiền	2.048.638.840	-	2.048.638.840
Đầu tư ngắn hạn	200.000.000	-	200.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	195.939.534.239	-	195.939.534.239
Cầm cố, ký quỹ và ký cược	4.536.309.244	5.819.583.410	10.355.892.654
	<b>202.724.482.323</b>	<b>5.819.583.410</b>	<b>208.544.065.733</b>
<b>30/6/2014</b>			
Các khoản vay	58.934.904.186	316.326.000	59.251.230.186
Nợ thuế tài chính	7.374.167.728	5.858.347.962	13.232.515.690
Phải trả người bán và phải trả khác	120.016.178.711	-	120.016.178.711
Chi phí phải trả	43.479.935.703	-	43.479.935.703
	<b>229.805.186.328</b>	<b>6.174.673.962</b>	<b>235.979.860.290</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(27.080.704.005)</b>	<b>(355.090.552)</b>	<b>(27.435.794.557)</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2013</b>			
Tiền	37.143.857.414	-	37.143.857.414
Phải thu khách hàng và phải thu khác	270.574.681.605	-	270.574.681.605
Cầm cố, ký quỹ và ký cược	2.511.255.136	4.732.537.162	7.243.792.298
	<b>310.229.794.155</b>	<b>4.732.537.162</b>	<b>314.962.331.317</b>
<b>31/12/2013</b>			
Các khoản vay	98.503.418.065	527.208.000	99.030.626.065
Nợ thuế tài chính	6.322.311.823	8.956.188.614	15.278.500.437
Phải trả người bán và phải trả khác	127.361.811.199	-	127.361.811.199
Chi phí phải trả	44.502.996.595	-	44.502.996.595
	<b>276.690.537.682</b>	<b>9.483.396.614</b>	<b>286.173.934.296</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>33.539.256.473</b>	<b>(4.750.859.452)</b>	<b>28.788.397.021</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao do tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có chênh lệch thanh khoản thuần âm và một số khoản vay và công nợ phải trả đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Công ty mẹ**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (PVC)

**Các đơn vị cùng chủ sở hữu (PVC)**

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung

Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí

Ban Điều hành Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan: (Tiếp theo)

**Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chủ sở hữu của PVC)**

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất

Ban Quản lý Dự án khí điện đạm Cà Mau

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần

Tổng Công ty Dầu Việt Nam

Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu

**Các đơn vị trong Tổng Công ty Khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)**

Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Hà Nội

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Nam

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Đông - Chi nhánh Vũng Tàu

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Ban Quản lý dự án Cụm máy nén khí PM3 Cà Mau

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Ban Quản lý dự án nhà máy Xử lý khí Cà Mau

**Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)**

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển Đông

**Các đơn vị trong Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí (cùng chủ sở hữu với PVC)**

Công ty TNHH MTV Dung dịch khoan và Dịch vụ Giếng khoan

**Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)**

Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí

Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ kiểm tra không phá hủy Dầu khí Việt Nam

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	18.662.381.391	106.260.412.198
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	14.840.749.184	-
Công ty TNHH MTV Dung dịch khoan và Dịch vụ Giếng khoan	13.092.791.553	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Hà Nội	3.784.444.347	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	988.280.290	3.011.526.904
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Quản lý Dự án Khí	932.623.924	-
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	1.652.522.375	2.176.261.100
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần -	-	3.067.609.615
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau		
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	2.018.702.952
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	-	1.171.059.808

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau: (Tiếp theo)

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
<b>Mua hàng, thuê thi công các công trình xây lắp và các dịch vụ khác</b>		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông - Chi nhánh Vũng Tàu	1.252.014.651	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Ban Quản lý dự án Cụm máy nén khí PM3 Cà Mau	322.739.344	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	120.763.766	148.500.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	81.323.967	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	10.800.000	872.624.679
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển Đông	-	1.256.715.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ kiểm tra không phá hủy Dầu khí Việt Nam	-	313.356.700
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	-	985.670.045
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	224.208.982
<b>Chi phí lãi vay</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	1.334.045.152	4.212.273.338
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>	<b>814.217.150</b>	<b>896.716.860</b>

Sổ dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	31.901.218.911	82.301.572.613
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	8.256.410.007	31.805.313.986
Công ty Cổ phần Kết Cấu Kim Loại và Lắp Máy Dầu Khí	5.340.984.594	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	1.983.882.367	3.898.222.266
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.613.441.480	1.746.281.623
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1.062.727.230	1.062.727.230
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	621.666.025	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Nam	423.228.871	423.228.871
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	171.816.407	1.256.233.957
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2	-	1.699.968.660
Ban Quản lý Dự án khí điện đạm Cà Mau	-	1.252.178.574
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	29.560.167.792	29.560.167.792
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	2.304.026.272	2.304.026.272
<b>Các khoản phải thu khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	15.030.542.964	15.030.542.964

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau: (Tiếp theo)

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	9.090.940.991	14.090.940.991
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu Khí	5.825.547.657	5.387.941.936
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.579.741.998	1.579.741.998
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí	1.180.163.353	1.180.163.353
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	1.074.642.305	1.100.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông - Chi nhánh Vũng Tàu	699.415.440	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển Đông	650.540.000	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	81.039.750	1.599.337.535
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Quản lý Dự án Khí	3.258.904.048	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Hà Nội	1.526.488.900	3.052.977.800
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	55.262.272.021
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	-	1.818.485.159
Công ty TNHH MTV Dung dịch khoan và Dịch vụ Giếng khoan	-	4.435.705.000
<b>Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	10.144.399.867	10.144.299.867
- Phải trả cổ tức	10.144.399.867	10.144.299.867
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	5.104.072.461	3.770.027.309
<b>Vay</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	8.817.126.631	20.892.614.621

**32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**33. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp. Trong kỳ, Công ty không có hoạt động sản xuất, kinh doanh nào khác trọng yếu (chiếm hơn 10%); theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đều liên quan đến hoạt động xây lắp.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét.



Nguyễn Văn Đồng  
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 8 năm 2014



Vũ Văn Huy  
Kế toán trưởng



Mai Đình Bảo  
Phó Giám đốc